

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương
Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III-NĂM 2024

❖ **Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

HẢI DƯƠNG, NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
MST: 0800286887

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024	31/12/2023
Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		421,549,451,016	1,080,653,342,821
I. Tiền	110		5,182,096,458	9,520,125,251
1. Tiền	111	V.1	5,182,096,458	9,520,125,251
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		82,766,953,487	82,766,953,487
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.a	9,766,953,487	9,766,953,487
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.b	73,000,000,000	73,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70,401,590,133	751,812,120,848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	144,060,252,486	638,209,117,994
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	59,400,000	186,833,210,180
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2,385,000,000	2,872,855,027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(76,103,062,353)	(76,103,062,353)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	259,225,426,589	235,623,518,631
1. Hàng tồn kho	141		259,725,882,860	236,123,974,902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500,456,271)	(500,456,271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,973,384,349	930,624,604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,869,971,274	575,624,604
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		103,413,075	355,000,000
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1,092,962,638,814	1,106,379,332,402
I. Phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	0
II. Tài sản cố định	220		190,765,347,504	204,182,041,092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	190,765,347,504	204,182,041,092
- Nguyên giá	222		520,941,176,458	521,746,255,548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(330,175,828,954)	(317,564,214,456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		159,462,000	159,462,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159,462,000)	(159,462,000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		902,197,291,310	902,197,291,310
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.c	902,197,291,310	902,197,291,310
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		1,514,512,089,830	2,187,032,675,223

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024	31/12/2023
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300		1,383,232,620,707	2,045,949,640,571
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>853,232,620,707</i>	<i>1,505,949,640,571</i>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	348,245,799,236	555,140,439,586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,386,594,421	204,469,204,614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	-	0
4. Phải trả người lao động	314		127,273,498	203,184,097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	1,916,870,973
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	72,239,771	114,239,771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	498,289,457,088	743,994,444,837
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.15.e	111,256,693	111,256,693
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>530,000,000,000</i>	<i>540,000,000,000</i>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	342	V.10	530,000,000,000	540,000,000,000
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		131,279,469,123	141,083,034,652
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.15.a</i>	<i>131,279,469,123</i>	<i>141,083,034,652</i>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190,000,000,000	190,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190,000,000,000	190,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	0
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(58,720,530,877)	(48,916,965,348)
- Lãi (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(48,916,965,348)	(51,562,358,751)
- Lãi (Lỗ) năm nay	421b		(9,803,565,529)	2,645,393,403
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		1,514,512,089,830	2,187,032,675,223

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024



08 / 11

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
MST: 0800286887

Mẫu số B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III và 9 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024		Năm 2023	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm	Quý III	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1,387,662,921,231	3,861,042,017,066	1,000,221,329,446	2,484,984,382,646
2. Các khoản giảm trừ	2	VI.2	2,127,439,347	3,225,334,895	4,430,740,500	7,968,461,500
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		1,385,535,481,884	3,857,816,682,171	995,790,588,946	2,477,015,921,146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,372,831,212,669	3,784,981,226,875	994,280,016,106	2,459,151,255,737
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12,704,269,215	72,835,455,296	1,510,572,840	17,864,665,409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	40,053,756	1,959,749,243	1,107,977,076	1,884,125,857
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22,312,939,868	79,845,844,040	4,535,867,903	16,354,174,905
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23,756,676,244	71,719,342,334	2,979,830,248	8,670,235,570
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	73,356,745	1,029,908,401	147,439,326	390,289,808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	805,749,227	2,910,519,968	709,601,901	2,503,824,881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(10,447,722,869)	(8,991,067,870)	(2,774,359,214)	500,501,672
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	188,454,545	0	111,000,000
12. Chi phí khác	32	VI.7	749,365,279	749,365,279	0	0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(749,365,279)	(560,910,734)	0	111,000,000
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(11,197,088,148)	(9,551,978,604)	(2,774,359,214)	611,501,672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		251,586,925	251,586,925	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(11,448,675,073)	(9,803,565,529)	(2,774,359,214)	611,501,672
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70		(603)	(516)		

KÊ TOÁN TRƯỞNG


Đặng Thị Tuyết Dung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.800.981.434.249	2.058.654.896.012
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.479.908.178.911)	(2.000.885.843.184)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.215.541.604)	(1.124.309.350)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(71.719.342.334)	(9.497.166.982)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	0	(355.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	743.000.000	18.256.693.090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.376.964.387)	(23.441.810.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	247.504.407.013	41.607.459.140
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(37.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.862.551.943	3.687.900.965
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.862.551.943	(33.312.099.035)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,151,108,882,802	356,339,018,889
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,406,813,870,551)	(361,155,025,033)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(255,704,987,749)	(4,816,006,144)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(4,338,028,793)	3,479,353,961
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9,520,125,251	1,123,716,537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5,182,096,458	4,603,070,498

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Hưng

Công ty Cổ phần B.C.H

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2024

I/ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1- Hình thức sở hữu vốn: *Cổ phần.*

2- Lĩnh vực kinh doanh: *Sản xuất, thương mại, dịch vụ.*

3- Ngành nghề kinh doanh:

- *Sản xuất mua bán phôi thép; sản xuất mua bán các sản phẩm kim loại; sản xuất mua bán các vật liệu xây dựng.*

- *Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng man gan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực).*

- *Kinh doanh dịch vụ kho bãi; cân thuê; mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình.*

- *Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng*

- *Sản xuất, mua bán giày giép, mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản.*

4- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm: *Bắt đầu từ ngày 01/01/2024 Kết thúc vào ngày 31/12/2024*

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: *Đồng Việt Nam (Ký hiệu là VNĐ)*

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT/BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đang áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.

3- Hình thức áp dụng kế toán.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, tiền gửi.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản tiền có gốc ngoại tệ được Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng giao dịch.

Công ty Cổ phần B.C.H

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ & chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua & các chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Các khoản chiết khấu thương mại & giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí bán hàng & Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

+ Tài sản có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy luật hiện hành.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

Theo chế độ quản lý tài sản qui định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (Công ty không có BĐS đầu tư)

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Theo phương pháp giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ

Công ty Cổ phần B.C.H

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

- Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến yêu cầu phải thanh toán.
- Đề ra một ước tính đáng tin cậy.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH.
 - + *Vốn đóng góp của các nhà đầu tư để thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.*
 - + *Thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.*
 - + *Các khoản nhận biếu tặng, tài trợ.*
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản (*Đơn vị không đánh giá lại tài sản*).
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
 - Đơn vị hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực số 10 ban hành theo QĐ 165/2002/QĐ-BTC và thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của bộ tài chính.*
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.
 - Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.*

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - + *Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.*
 - + *Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá, quyền kiểm soát hàng hoá.*
 - + *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*
 - + *Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng.*
 - + *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi:
 - + *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*
 - + *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*
 - + *Xác định được phần công việc đã hoàn thành.*
 - + *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*
- Doanh thu hoạt động tài chính;
 - Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:*

Công ty Cổ phần B.C.H

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chiết khấu ngắn hạn.
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Đơn vị hạch xác định theo chuẩn mực số 17 ban hành theo QĐ 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

*** Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo phân loại là:

- + Tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- + Tài sản dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong năm đơn vị không có khoản phải thu nào cần phải lập dự phòng.

*** Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại như sau:

- Nợ ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- Nợ dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm.

***Phân phối lợi nhuận:**

Lợi nhuận của đơn vị trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông (nộp về đơn vị cấp trên) phải trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, phúc lợi cho những năm sau cho đến khi đạt mức quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời gian từ 06 tháng đến 01 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024***V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Bảng cân đối kế toán***ĐVT: VNĐ*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
01- Tiền		
- Tiền mặt	4,430,019,056	3,433,109,985
- Tiền gửi ngân hàng	752,077,402	6,087,015,266
Cộng	5,182,096,458	9,520,125,251
02- Các khoản đầu tư tài chính:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chứng khoán kinh doanh	9,766,953,487	9,766,953,487
- Đầu tư cổ phiếu	9,766,953,487	9,766,953,487
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Dự phòng giảm chứng khoán	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	73,000,000,000	73,000,000,000
- Ngắn hạn	73,000,000,000	73,000,000,000
- Dài hạn	-	-
c) Đầu tư góp vốn đơn vị khác	902,197,291,310	902,197,291,310
- Đầu tư vào công ty con	902,197,291,310	902,197,291,310
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-
Cộng	902,197,291,310	902,197,291,310
03- Phải thu khách hàng:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	144,060,252,486	638,209,117,994
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	14,638,904,695	67,894,190,077
Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang	3,839,142,178	-
Công ty TNHH Chung Lý	-	26,290,091
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	19,232,720,550	44,334,913,562
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	191,261,738
Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	76,103,062,353	76,103,062,353
Công ty Cổ phần đầu tư LE MONT	5,300,964,940	443,078,984,425
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thượng Đình GROUP	5,136,301,700	2,355,302,110
Công ty Cổ phần Xây dựng Le Mont	19,684,666,750	1,114,747,570
Công ty TNHH Bách Đại Phát	-	-
Công ty TNHH Thương mại Thăng Yên	-	-
Các khách hàng khác	124,489,320	3,110,366,068
- Dự phòng phải thu khó đòi	(76,103,062,353)	(76,103,062,353)
04- Trả trước cho người bán :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước cho người bán	59,400,000	186,833,210,180
05- Phải thu khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khác	2,385,000,000	2,872,855,027
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Trả trước cho người bán	-	-
- Phải thu ...	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	-	-
Cộng	2,385,000,000	2,872,855,027
06- Nợ xấu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
07- Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	13,678,283,646	25,786,147,489
- Công cụ, dụng cụ	9,049,650,453	9,049,650,453
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	236,997,948,761	201,288,176,960
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500,456,271)	(500,456,271)
Cộng giá gốc hàng tồn kho	259,225,426,589	235,623,518,631

* Giá trị hàng tồn ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, nguyên nhân và hướng xử lý;

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả;

* Lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	521,746,255,548	(317,564,214,456)	204,182,041,092
Khấu hao trong năm		(12,611,614,498)	
Số cuối kỳ	520,941,176,458	(330,175,828,954)	190,765,347,504

09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	159,462,000	(159,462,000)	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	159,462,000	(159,462,000)	-

 10.1
 10.2
 10.3
 10.4
 10.5
 10.6
 10.7
 10.8
 10.9
 10.10
 10.11
 10.12
 10.13
 10.14
 10.15
 10.16
 10.17
 10.18
 10.19
 10.20
 10.21
 10.22
 10.23
 10.24
 10.25
 10.26
 10.27
 10.28
 10.29
 10.30
 10.31
 10.32
 10.33
 10.34
 10.35
 10.36
 10.37
 10.38
 10.39
 10.40
 10.41
 10.42
 10.43
 10.44
 10.45
 10.46
 10.47
 10.48
 10.49
 10.50
 10.51
 10.52
 10.53
 10.54
 10.55
 10.56
 10.57
 10.58
 10.59
 10.60
 10.61
 10.62
 10.63
 10.64
 10.65
 10.66
 10.67
 10.68
 10.69
 10.70
 10.71
 10.72
 10.73
 10.74
 10.75
 10.76
 10.77
 10.78
 10.79
 10.80
 10.81
 10.82
 10.83
 10.84
 10.85
 10.86
 10.87
 10.88
 10.89
 10.90
 10.91
 10.92
 10.93
 10.94
 10.95
 10.96
 10.97
 10.98
 10.99
 10.100

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024

10- Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank-CN Nam Thái Nguyên	50.000.000.000	63.997.957.403
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV- CN Nam Thái Nguyên	368.289.457.088	600.000.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV - CN Hải Dương	80.000.000.000	79.996.487.434
- Vay dài hạn ngân hàng BIDV - CN Nam Thái Nguyên	530.000.000.000	540.000.000.000
Cộng	1.028.289.457.088	1.283.994.444.837
11- Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	348.245.799.236	555.140.439.586
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	236.737.510.714	-
Công ty TNHH MTV LOGISTICS Thái Hưng	1.443.485.984	1.303.167.225
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	15.884.930.252	186.655.672.807
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	29.003.680.553	66.504.052.878
Công ty cổ phần kim khí Bắc Thái	-	-
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	9.918.948.655	18.707.904.687
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	55.225.208.678	281.927.813.805
Các nhà cung cấp khác	32.034.400	41.828.184
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	0	0
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	0	-
Cộng	348.245.799.236	555.140.439.586
12- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng	-	-
13- Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí lãi suất phải trả	0	1.916.870.973
- Chi phí bảo lãnh	-	-
Cộng	0	1.916.870.973
14- Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	72.239.771	114.239.771
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	0	-
Cộng	72.239.771	114.239.771

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024

15- Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	CL tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	6	9
Số dư đầu kỳ năm trước	190,000,000,000	-	0	-	190,000,000,000
- Lợi nhuận đầu năm trước	-				-
- Lợi nhuận trong năm trước	2,645,393,403				2,645,393,403
- Lỗ lũy kế các năm trước đó	(51,562,358,751)	-		-	-51,562,358,751
Số dư cuối năm trước	141,083,034,652	-	0	-	141,083,034,652
Số dư đầu năm nay	141,083,034,652	-	0	-	141,083,034,652
- Tăng vốn trong năm nay	-		-		-
- Lỗ trong kỳ này	(9,803,565,529)				(9,803,565,529)
- Giảm khác	0		0		0
Số dư cuối kỳ này	131,279,469,123	-	0	-	131,279,469,123

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CPTM Thái Hưng	18,674,000,000	0
Ông Nguyễn Duy Luân	9,080,000,000	16,680,000,000
Bà Lê Thu Phương	13,430,000,000	13,430,000,000
Ông Đặng Ngọc Hưng	11,260,000,000	11,260,000,000
Ông Trần Nguyên Hưng	9,680,000,000	9,680,000,000
Ông Trần Văn Hiếu	9,680,000,000	9,680,000,000
Ông Phạm Bá Phú	17,260,000,000	17,260,000,000
Các cổ đông khác	100,936,000,000	112,010,000,000
Cộng	190,000,000,000	190,000,000,000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190,000,000,000	190,000,000,000
+ Vốn góp đầu năm	190,000,000,000	190,000,000,000
+ Vốn góp cuối năm	190,000,000,000	190,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	111,256,693	111,256,693
- Quỹ dự phòng tài chính	84,020,227	84,020,227
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27,236,466	27,236,466
+ Quỹ khen thưởng		
+ Quỹ phúc lợi		

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024***VI- Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***DVT: VNĐ*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,861,042,017,066	2,484,984,382,646
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	3,851,668,247,515	2,477,282,993,896
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,373,769,551	7,701,388,750
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	-	-
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	3,225,334,895	7,968,461,500
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	3,225,334,895	7,968,461,500
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
3- Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	3,765,347,885,785	2,440,405,342,001
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19,633,341,090	18,745,913,736
- Giá vốn của nguyên vật liệu	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

11/09/2024 Y N I 1.2.11

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
4- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.959.749.243	1.884.004.161
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	121.696
Cộng	1.959.749.243	1.884.125.857
5- Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	71.719.342.334	8.670.235.570
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
- Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm	8.122.371.147	7.679.808.776
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	4.130.559	4.130.559
Cộng	79.845.844.040	16.354.174.905
6- Thu nhập khác		
- Thanh lý nhượng bán tài sản	-	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-
- Các khoản khác	188.454.545	111.000.000
7- Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	-	-
- Các khoản khác	749.365.279	-
8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý		
a) Các khoản chi phí QLDN	2.910.519.968	2.503.824.881
b) Các khoản chi phí bán hàng	1.029.908.401	390.289.808
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng	3.940.428.369	2.894.114.689
9- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương
 Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2024

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập	(9,551,978,604)	611,501,672
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các		
- Điều chỉnh tăng chi phí không hợp lệ	749,365,279	0
- Điều chỉnh giảm - cổ tức lợi nhuận được chia		
- Tổng thu nhập chịu TNDN	(8,802,613,325)	611,501,672
- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)		
- Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	251,586,925	
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	251,586,925	-

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

DVT: VND

- 1- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do**
- | | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực | | |
| - Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu: | | |
| - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu: | | |
| b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh | | |
| - Tổng giá trị mua hoặc thanh lý; | | |
| - Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền; | | |
| - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được | | |
| - Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản | | |
| c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng | | |

VIII- Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- Thông tin về các bên liên quan:
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- Thông tin về hoạt động liên tục:
- Những thông tin khác. (3):

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Ngọc Anh

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đặng Thị Tuyết Dung

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Tổng giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Đặng Ngọc Hưng